TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **248**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 167/2026/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh N T T**, sinh ngày 18/01/1996;
Căn cước số: 025******988;
Địa chỉ: Nhà tập thể Q, Tổ dân phố V, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị N H L**, sinh ngày 23/7/1998;
Căn cước số: 001******690;
Địa chỉ: Số nhà H, tổ E cụm T, phường L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N T T và chị N H L.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh N T T và chị N H L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh N T T và chị N H L có 01 con chung là cháu N K D, sinh ngày 28/01/2020. Anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N H L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 03/2026 đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0003826 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5. Anh T không phải nộp thêm tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án KV5;
- UBND phường P, tỉnh Phú Thọ (GCNKH số 44/2019 của UBND phường Q, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc cũ).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.